

Số: 2486 /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### **Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 khai thác nguồn nước dưới đất tại công trình giếng khoan GK1, GK2**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 347/BC-STNMT ngày 24/7/2019,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 theo Giấy phép số 242/GP-STNMT ngày 11/7/2016 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1904/GP-UBND ngày 27/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình giếng khoan khai thác nước dưới đất GK1, GK2 của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2. Mục đích sử dụng nước của công trình: Phục vụ cho sản xuất bia hơi, bia tươi và sinh hoạt của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ cho sản xuất bia hơi, bia tươi và sinh hoạt của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89.

4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng:

- G= 2.000 đồng/m<sup>3</sup> (theo mục II.2.b của Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên) tính từ 01/9/2017 đến 30/4/2018.

- G= 4.000 đồng/m<sup>3</sup> (theo mã nhóm tài nguyên V303 của Bảng giá tính thuế tài nguyên ban hành theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên).



- G= 40.000 đồng/m<sup>3</sup> (theo mã nhóm tài nguyên V301 của Bảng giá tính thuế tài nguyên ban hành theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên).

5. Tổng số tiền phải nộp: **189.554.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

6. Phương án nộp tiền: Nộp tiền theo năm, trong đó:

- Năm 2019 nộp: 54.833.000 đồng.

- Năm 2020 nộp: 44.907.000 đồng.

- Năm 2021 nộp: 44.907.000 đồng.

- Năm 2022 nộp: 44.907.000 đồng.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế Hưng Yên.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục thuế tỉnh Hưng Yên ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước gửi đến Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 theo quy định; xử lý việc chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Hưng Yên. Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 gửi 01 bản sao giấy chứng nhận có chứng thực cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Nghị định 82/2017/NĐ-CP. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Hưng Yên; Giám đốc Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *th*

**Nơi nhận:** 

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; KT1<sup>LT</sup>.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Quang**